TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22-3-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con, cấp dưỡng khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Hoa Lư.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đặng Văn Hai;

Ông: Tô Hoàng Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Anh Vũ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 22 tháng 3 năm 2018 tại phòng xử án trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 316/2017/TLST-HNGĐ, ngày 24/10/2017 "V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con, cấp dưỡng khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 01 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 01/3/2018; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Nguyễn Văn T, s*inh năm*: 1989. (có mặt)

Địa chỉ: 580, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đ.

- *Bị đơn*: Bùi Thị Thúy H, s*inh năm*: 1987. (vắng mặt)

Địa chỉ: 726/1, ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/9/2017, khởi kiện bổ sung ngày 24/10/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Văn T trình bày:

Vào năm 2010 anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị Thúy H quen biết tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Đ ngày 18/5/2011. Trong thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2013 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi và vợ chồng xa

nhau từ năm 2013 cho đến nay. Nay anh T xác định đời sống vợ chồng đã không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó anh T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với chị Bùi Thị Thúy H.

Về con chung: Quá trình sống chung vợ chồng có một người con chung tên Bùi Thị N, sinh ngày 09/6/2011, hiện nay con chung đang sống với chị H. Anh T đồng ý giao con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng ½ tháng lương cơ bản theo quy định của Nhà nước.

Về tài sản và nợ chung: Anh T không yêu cầu giải quyết.

- Tại tờ tường trình ngày 24/11/2017 bị đơn Bùi Thị Thúy H trình bày:

Về hôn nhân: Chị H đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị H đồng ý nuôi con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nhưng chị H không nêu rõ cụ thể về mức cấp dưỡng. Ngoài ra chị H còn nêu trong tờ tường trình là anh T còn phải cung cấp nuôi lấy cuộc đời của chị H đến suốt cuộc đời.

Về tài sản và nợ chung: Chị H không đề cập đến.

Về tài sản riêng: Chị H yêu cầu anh Nguyễn Văn T trả lại toàn bộ tài sản là 01 cái két sắt, 01 cái nệm và một cáo tủ quần áo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyễn Văn T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa Nguyễn Văn T với Bùi Thị Thúy H, chị H cư trú tại ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đ thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân huyện L theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Bùi Thị Thúy H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp và phiên tòa không có lý do. Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định, vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị Thúy H có tổ chức đám cưới năm 2010, đến ngày 18/5/2011 tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cải nhau, không chăm sóc lẫn nhau và anh T và chị H đã xa nhau từ năm 2013 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài. Mặc dù, Tòa án đã kiên

trì hòa giải nhưng Nguyễn Văn T vẫn cương quyết ly hôn với Bùi Thị Thúy H. Đối với chị H từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa chị H vẫn vắng mặt nhưng chị H có ý kiến là đồng ý ly hôn với anh T là thỏa mãn các điều kiện theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Nguyễn Văn T là có căn cứ.

Còn đối với yêu cầu của chị H về việc anh T phải cấp dưỡng nuôi chị H đến suốt cuộc đời. Yêu cầu này của chị H không được anh T chấp nhận và kèm theo yêu cầu của mình chị H cũng không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho mình là có hoàn cảnh khó khăn, túng thiếu theo quy định tại Điều 115 Luật hôn nhân gia đình để Hội đồng xét xử buột anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị H. Do đó yêu cầu của chị H không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung và cấp dưỡng: Anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị Thúy H có một con chung tên Bùi Thị N, sinh ngày 09/6/2011 hiện nay đang sống với chị H. Anh T đồng ý giao cháu N cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Nhà nước. Hơn nữa, chị H có ý kiến tại tờ tường trình ngày 24/11/2017 cũng đồng ý được tiếp tục nuôi con chung và có yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nhưng chị H không yêu cầu cụ thể về mức cấp dưỡng. Xét sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là ½ tháng lương cơ sở của anh T là đúng theo quy định của pháp luật nên chấp nhận. Do đó Hội đồng nghỉ nên giao cháu Bùi Thị N cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng và anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là ½ tháng lương cơ sở cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi là phù hợp theo Điều 81, Điều 82, Điều 107, Điều 116 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về tài sản và nợ chung: Anh Nguyễn Văn T không yêu cầu giải quyết và chị H có tờ tường trình ngày 24/11/2017 không đề cập và yêu cầu gì về phần tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản riêng: Chị H có văn bản ngày 24/11/2017 trình bày chị rằng có các tài sản riêng là 01 cái két sắt, 01 cái nệm và một cái tủ quần áo Nhưng ngày 19/12/2017 đã Tòa án đã ra thông báo số 316/TB-TA ngày 19/12/2017 yêu cầu chị H sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện và làm thủ tục nộp tiền tạm ứng án phí đúng theo quy định nhưng chị H vẫn không cung cấp. Do đó HĐXX không xem xét về phần tài sản riêng này. Nếu sau này chị H có yêu cầu về phần tài sản riêng này thì sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[6] Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình là 300.000 đồng và 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 107, Điều 115 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho Nguyễn Văn T được ly hôn với Bùi Thị Thúy H.

2. Về con chung và cấp dưỡng: Anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị Thúy H thống nhất giao cháu Bùi Thị N, sinh ngày 09/6/2011 cho chị Bùi Thị Thúy H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T tự nguyện cấp dưỡng cho Bùi Thị N mỗi tháng là ½ tháng lương cơ sở theo quy định của Nhà nước. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4/2018 cho đến khi Bùi Thị N đủ 18 tuổi.

Bùi Thị Thúy H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Văn T trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn.

3. Về án phí và tạm ứng án phí sơ thẩm: Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là 300.000 đồng và 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng. Được khấu trừ 300.000 đồng mà Nguyễn Văn T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 00750, ngày 24/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp. (Anh Nguyễn Văn T phải nộp thêm 300.000 đồng.).

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/3/2018). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Tô Thị Hoa Lư